

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 4 – 2022.

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Giao.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1991(*có mặt*).  
Địa chỉ: số 123, Quốc lộ 62, khu phố 1, phường 6, thành phố A, tỉnh A.
2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1991(*vắng mặt*).  
Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện H, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 10 năm 2021, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Q trình bày:*

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu ông và bà Lê Thị L đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh A vào ngày 20/02/2013. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau nên vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm, đối xử không hòa nhã. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ đầu

năm 2021 cho đến nay. Ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ. Trong thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Nay ông Q đồng ý để bà L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Lê Tường V và Nguyễn Lê Tường L, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/01 cháu.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Hoàng Q cho rằng không có nợ chung, nên ông không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lê Thị L vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L có ý kiến trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông Q về tình trạng hôn nhân và có hai con chung, bà đang trực tiếp nuôi con, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng nhỏ, bà không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà yêu cầu như sau:

Về con chung: Bà L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ và bà L không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, là đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của ông Quen:

- Về hôn nhân: Vợ chồng ông Q và bà L có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông Q nhận thấy mối quan hệ giữa ông với bà L có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, ông Q và bà L đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của ông Q về việc ly hôn với bà L là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Ông Q đồng ý để bà L tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ, xét thấy bản thân bà L đang là người trực tiếp nuôi 02 con chung và cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con. Do đó, yêu cầu của ông Q là phù

hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, bản thân bà L không nêu cụ thể về yêu cầu cấp dưỡng nhưng bà L có trình bày muốn ông Q phụ lo cho 02 con, để đảm bảo quyền lợi của các con ghi nhận việc ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với bà L không đồng ý ly hôn với ông Q do mâu thuẫn vợ chồng không lớn và bà còn thương ông Q nhưng giữa bà và ông Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm và tôn trọng nhau. Bản thân bà và ông Q đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, hơn nữa ông Q cương quyết ly hôn nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà L.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị L hiện cư trú tại xã B, huyện H và đi làm ăn xa nhưng vẫn về nhà cha, mẹ ruột ở xã B, huyện H nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết đúng theo điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã triệu tập hợp lệ và niêm yết nhiều lần đối với bà L nhưng bà Lê Thị L không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Q với bà L là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, ông Q không còn sống chung với bà L. Hai vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4 năm 2021 nên tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến hòa giải nhưng bà L không đến tức là bà không quan tâm đến hôn nhân của bà và ông Q. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Q với bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Q và bà L có hai con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ. Bà L yêu cầu được quyền tiếp tục

nuôi hai con chung, ông Q thống nhất giao hai con cho bà L nên ghi nhận theo ý chí của ông Q, bà L. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ cho bà L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng hai con chung.

[2.3] Tại phiên tòa, bà L vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng, nhưng ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung 3.000.000đồng/tháng/01cháu đến khi cháu V và cháu L đủ 18 tuổi. Nên ghi nhận ý kiến của ông Q.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

**[3] Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Các Điều 17, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.  
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Ông Nguyễn Hoàng Q được ly hôn với bà Lê Thị L.

**2. Về con chung:** Bà Lê Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ.

**3. Về cấp dưỡng:** Ông Nguyễn Hoàng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 22/3/2013, giới tính: Nữ và Nguyễn Lê Tường L, sinh ngày: 28/7/2016, giới tính: Nữ mỗi cháu là 3.000.000đồng/tháng/01cháu (6.000.000 đồng/tháng/02 cháu), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi con chung Nguyễn Lê Tường V và Nguyễn Lê Tường L đủ 18 tuổi.

Ông Q không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông Q thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

**4. Về án phí:**

Ông Nguyễn Hoàng Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí ông Q đã nộp theo biên lai số 0003012 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Ông Q còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Văn Thành**